

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.*

*Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Vụ trưởng Vụ Đất đai và Chánh Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chi tiết tại các Phụ lục số I và II kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2014; Quyết định số 634/QĐ- BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016; Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017; Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Đất đai, Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Minh Ngân**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: các Thứ trưởng, các Vụ, Cục ĐKDLTTĐĐ, Cục QHPTTND, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;  
- Lưu: VT, VP(KSTTHC), ĐĐ, CĐKDLTTĐĐ (ĐAT).

## PHẦN I

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

##### I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Trung ương</b>					
1	2.002317	Cung cấp dữ liệu đất đai	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014; (4) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	Đất đai	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai - Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường
<b>B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh</b>					
<b>I. Trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai</b>					
1	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (8) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
2	2.001938	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (5) Thông tư số 24/2014/TT-	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai

			BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
3	1.004238	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
4	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; (6) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (11) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (12) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
5	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng	(1) Luật Đất đai năm 2013;	Đất đai	(1) Văn phòng

		<p>hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề</p>	<p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		<p>đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai</p>
6	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>(1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai</p>
7	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017;</p>	Đất đai	<p>(1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh văn</p>

			<p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(8) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).</p>		phòng đăng ký đất đai
8	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(9) Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023;</p> <p>(10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p> <p>(3) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(4) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai</p>
9	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(9) Thông tư số 02/2015/TT-</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p>

			<p>BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		
10	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p>
11	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>(1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai</p>
12	2.000976	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p>	Đất đai	1) Văn phòng đăng ký đất đai

		cấp	<p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(11) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(12) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		(2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
13	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
14	1.002993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p>	Đất đai	<p>(1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh văn</p>

		<p>với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>(4) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;  (5) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;  (6) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;  (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;  (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;  (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;  (10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);  (11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		<p>phòng đăng ký đất đai</p>
15	2.000889	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;  (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;  (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;  (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;  (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;  (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;  (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;  (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTMMT ngày 27/01/2015;  (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;  (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;  (11) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);  (12) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>1) Văn phòng đăng ký đất đai  (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
16	1.001991	<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;  (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;  (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;  (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp tỉnh  (2) UBND cấp huyện</p>



			<p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014HT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).</p>		
17	2.000880	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</p> <p>(6) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(11) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(12) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(13) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
18	1.001134	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp tỉnh (2) UBND cấp huyện</p> <p>(3) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(4) Chi nhánh Văn phòng</p>

		<p>sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	<p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</p>		<p>đăng ký đất đai</p>
19	1.001045	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>(1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
20	1.011982	<p>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p> <p>(8) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</p>	Đất đai	<p>(1) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai</p>

21	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 (9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
22	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 (9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023	Đất đai	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
23	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 (8) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023	Đất đai	(1) Sở Tài nguyên và Môi trường (2) Văn phòng đăng ký đất đai (3) Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

<b>II. Trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai</b>					
1	1.000833	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (4) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (5) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (7) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
2	1.000813	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
3	1.003895	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</i> (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (11) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	1.003653	Đăng ký biến động quyền sử dụng	(1) Luật Đất đai năm 2013;	Đất đai	(1) Sở Tài nguyên và

		dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021)</i> ; (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (9) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (11) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (12) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>		Môi trường  (2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
5	1.003078	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (8) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
6	1.003069	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên;	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh

		thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	(7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
7	1.000818	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (8) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
8	1.003036	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
9	1.003040	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường

		sản khác gắn liền với đất	ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023  (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014  (6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);  (7) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023		
10	1.003031	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).	Đất đai	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường.
11	1.003003	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	UBND cấp tỉnh
12	1.002973	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP	Đất đai	UBND cấp tỉnh

		ký quyền sử dụng đất lần đầu	ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
13	1.002962	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	UBND cấp tỉnh
14	1.002380	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường



			(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).		
15	2.000946	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
16	1.002109	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	(1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
17	1.002082	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;	Đất đai	(1) Sở Tài nguyên và Môi trường (2) Văn phòng

		<p>hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		<p>đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh</p>
18	1.002054	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>
19	1.001980	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p>	Đất đai	<p>Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh</p>

			(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
20	1.004269	Cung cấp dữ liệu đất đai	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật phí và lệ phí; - Luật Giá; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014; - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Đối với địa phương chưa xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp dữ liệu đất đai từ hồ sơ địa chính theo phân cấp quản lý hồ sơ địa chính.
21	1.003534	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 (9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023	Đất đai	(1) Sở Tài nguyên và Môi trường (2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
<b>C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN</b>					
1	2.000348	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

			ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
2	1.002214	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
3	1.003907	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	UBND cấp huyện
4	2.000410	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;	Đất đai	(1) UBND cấp huyện (2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

		quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	(8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
5	1.003886	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (8) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
6	1.003877	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

		nhận	tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021;  (11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
7	1.003855	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
8	1.003000	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
9	1.002989	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;	Đất đai	UBND cấp huyện

		liên với đất	(4) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;		
10	1.002978	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).	Đất đai	UBND cấp huyện
11	1.002335	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện
12	1.002314	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP	Đất đai	UBND cấp huyện

		dụng đất lần đầu	ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (10) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.		
13	1.002291	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện
14	1.002277	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện



			<p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).</p> <p>(10) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		
15	2.000955	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(11) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>	Đất đai	UBND cấp huyện
16	2.000379	<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>(4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(8) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp huyện;</p> <p>(2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>
17	2.000365	<p>Đăng ký biến</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p>	Đất	(1) UBND

		động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; (9) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (11) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; (12) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	đai	cấp huyện  (2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
18	1.000755	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; (4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; (7) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; (9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.	Đất đai	UBND cấp huyện
19	1.003595	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;	Đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

			<p>(4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>(5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>(7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>(8) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>(9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>(10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</p>		
20	1.003836	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p> <p>(9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp huyện;</p> <p>(2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>
21	1.003572	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p> <p>(9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</p>	Đất đai	UBND cấp huyện;

22	1.003013	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023</p> <p>(6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p> <p>(9) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</p>	Đất đai	<p>(1) UBND cấp huyện;</p> <p>(2) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>
----	----------	--	---	---------	---

**FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN**



Thu tục hành chính